

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

| TT                                                   | Mã THHC  | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính                                                                                               | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết |              | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) |                             | Phí                | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích |             |
|------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|--------------|----------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------------------|-------------|
|                                                      |          |                                                                                                                           |                   | Theo quy định       | Sau cắt giảm | Cơ quan chuyên môn cấp huyện                       | Cơ quan phối hợp giải quyết |                    | Tiếp nhận hồ sơ                          | Trả kết quả |
| Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |          |                                                                                                                           |                   |                     |              |                                                    |                             |                    |                                          |             |
| 1                                                    | 2.001827 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản | MC                | 15 ngày             |              | 15 ngày                                            |                             | 700.000 đồng/cơ sở | x                                        | X           |

Ghi chú:

- Thời hạn giải quyết được tính bằng ngày;
- Nơi tiếp nhận hồ sơ: **Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện**

Nội dung sửa đổi: Thành phần hồ sơ; bổ sung mẫu đơn, mẫu tờ khai.

**2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ**

| <b>STT</b> | <b>Số hồ sơ<br/>TTHC</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                               | <b>Tên VBQPPL quy định việc<br/>bãi bỏ thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                              | <b>Lĩnh<br/>vực</b>                                        | <b>Cơ quan thực<br/>hiện</b>                     | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|
| 1          | 2.001823                 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn). | Thông tư số Thông tư số 17/2024/TTBNNPTNT ngày 28/11/2024 Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Quản lý<br>chất<br>lượng<br>Nông lâm<br>sản và<br>Thủy sản | Cơ quan chuyên<br>môn thuộc<br>UBND cấp<br>huyện |                    |

## PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**I. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.**

### **1. Trình tự thực hiện**

#### ***Bước 1: Gửi hồ sơ***

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản tại địa phương (trừ các cơ sở nêu tại khoản 1 Điều 5 tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT đã được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT) nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc trực tiếp về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

#### ***Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ***

Cơ quan thẩm quyền tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo kết quả tới cơ sở, ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; hoặc thông báo hồ sơ không đạt và nêu rõ lý do.

#### ***Bước 3: Thành lập Đoàn thẩm định***

Cơ quan thẩm quyền ban hành Quyết định thành lập đoàn thẩm định ngay sau khi có thông báo hồ sơ hợp lệ.

#### ***Bước 4. Tổ chức thẩm định tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận***

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Đoàn thẩm định công bố quyết định thành lập đoàn, nêu rõ mục đích và nội dung thẩm định;

- Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định.

- Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Sau khi nhận được Biên bản thẩm định của đoàn thẩm định, Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần).

- Thực hiện Cấp giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT trong trường hợp:

+ Cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu trong trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định.

+ Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra đạt yêu cầu.

+ Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra và thực hiện việc Cấp giấy chứng nhận.

Trường hợp kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Cơ quan thẩm quyền ban hành thông báo kết quả thẩm định, không cấp Giấy chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương để giám sát cơ sở không được hoạt động

## **2. Cách thức thực hiện**

Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc trực tiếp

## **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tham khảo theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tham khảo theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT;

d) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

đ) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận.

2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân (Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản do cấp tỉnh cấp đăng ký kinh doanh)

**6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT

- Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm.

**8. Phí, lệ phí:** Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

a. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tham khảo theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT.

b. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tham khảo theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư 17/2024/TTBNNPTNT.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 40, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**PHỤ LỤC III**  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

3. Điện thoại ..... Email .....

4. Mã số đăng ký kinh doanh: .....

5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị ..... (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp: .....

**Đại diện cơ sở**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC IV**  
**Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện**  
**vệ sinh an toàn thực phẩm**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**BẢN THUYẾT MINH**  
**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm**  
**nông, lâm, thủy sản**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Loại hình sản xuất, kinh doanh  
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài .....☐  
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ..☐  
DN tư nhân ☐ Khác ☐  
(ghi rõ loại hình)
4. Năm bắt đầu hoạt động: .....
5. Công suất thiết kế/Diện tích sản xuất: .....
6. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): .....
7. Thị trường tiêu thụ chính: .....

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

| TT | Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh | Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh |                    | Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì |
|----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|
|    |                                   | Tên nguyên liệu/ sản phẩm                                | Nguồn gốc/ xuất xứ |                                                 |
|    |                                   |                                                          |                    |                                                 |
|    |                                   |                                                          |                    |                                                 |
|    |                                   |                                                          |                    |                                                 |

**III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
  - Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .....m<sup>2</sup>, trong đó:
    - + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : .....m<sup>2</sup>
    - + Khu vực sản xuất, kinh doanh : .....m<sup>2</sup>
    - + Khu vực đóng gói thành phẩm : .....m<sup>2</sup>
    - + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: .....m<sup>2</sup>
    - + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .....m<sup>2</sup>
  - Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:
2. Trang thiết bị chính:

| Tên thiết bị | Số lượng | Nước sản xuất | Tổng công suất | Năm bắt đầu sử dụng |
|--------------|----------|---------------|----------------|---------------------|
|              |          |               |                |                     |
|              |          |               |                |                     |

### 3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐ Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐ Không ☐

Phương pháp xử lý: .....

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐ Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

.....

### 4. Hệ thống xử lý chất thải, nước thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

.....

### 5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: .....người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: .....người.

+ Lao động gián tiếp: .....người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) đã được xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn xác nhận kiến thức về ATTP:

### 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: .....người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

### 7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

| Tên hóa chất | Thành phần chính | Nước sản xuất | Mục đích sử dụng | Nồng độ |
|--------------|------------------|---------------|------------------|---------|
|              |                  |               |                  |         |
|              |                  |               |                  |         |
|              |                  |               |                  |         |

### 8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

### 9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

.....

.....

### 10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*